TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15/5/2026
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đua
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Quốc Việt
2. Ông Trần Văn Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Bích Trăm – là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Thùy D, sinh ngày 15/8/1996
Địa chỉ: Tổ A ấp T, xa C, tỉnh An Giang.
(Vắng mặt tại phiên tòa)

2/- Bị đơn: Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1992
Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ
(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/3/2026 và bản tự khai cùng ngày, nguyên đơn chị Bùi Thị Thùy D trình bày: Chị và anh Nguyễn Phước T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang vào ngày 18/7/2017. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung nên đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Nhận thấy tình cảm

không thể hàn gắn, chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Phước T.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 06/4/2020, giới tính nữ. Hiện cháu A đang sống cùng chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và chưa yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị D đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Phước T trình bày tại bản tự khai ngày 17/4/2026: Anh và chị Bùi Thị Thùy D kết hôn năm 2017, có tổ chức lễ cưới theo truyền thống và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hôn nhân xuất phát từ sự quen biết, tự nguyện tiến đến kết hôn. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống nhưng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng tính tình và cách sống. Hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2025 đến nay. Nay, về quan hệ hôn nhân, anh đồng ý ly hôn với chị Bùi Thị Thùy D.

Về con chung: Có một con chung là cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 06/4/2020. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nhưng yêu cầu Tòa án dành cho anh quyền thăm nom con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Anh T có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Bùi Thị Thùy D và anh Nguyễn Phước T do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình, không thể hàn gắn tình cảm nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Phước T. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn, được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Nguyễn Phước T có địa chỉ tại xã T, thành phố Cần Thơ nên căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị Thùy D và anh Nguyễn Phước T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cung cấp và giao nộp chứng cứ theo quy định pháp luật. Cả hai có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh T.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Thùy D: Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Thùy D và anh Nguyễn Phước T là hợp pháp, được pháp luật công nhận tại Giấy chứng nhận kết hôn số 70 do UBND xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 18/7/2017. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi nhau, không thể sống chung nên đã ly thân trong thời gian dài. Điều này chứng minh đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình tố tụng, chị D vẫn giữ yêu cầu ly hôn vì không còn tình cảm. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Bùi Thị Thùy D được ly hôn với anh Nguyễn Phước T. Giấy chứng nhận kết hôn số 70 nói trên không còn giá trị pháp lý.

[3.2] Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Bùi Thị Thùy D: Quá trình sống chung, chị D và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 06/4/2020, giới tính nữ. Hiện cháu đang sống cùng chị D. Để đảm bảo sự ổn định chỗ ở cho cháu, Hội đồng xét xử giao cháu A cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị D chưa yêu cầu cấp dưỡng nên anh T chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Tuy nhiên, anh T có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[3.3] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị Bùi Thị Thùy D phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thùy D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Bùi Thị Thùy D được ly hôn với anh Nguyễn Phước T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 70 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 18/7/2017cho chị Bùi Thị Thùy D và anh Nguyễn Phước T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 06 tháng 4 năm 2020, giới tính nữ cho chị Bùi Thị Thùy D tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Phước T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Nguyễn Phước T không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy D1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị D1 đã nộp theo biên lai số 0006404 ngày 08/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Chị D1 đã nộp xong).

6. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Thùy D và anh Nguyễn Phước T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tp. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 14 – Cần Thơ;
- UBND xã Trường Long Tây, TP. Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Đua